

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đắk Glei	Xã Đắk Choong	Xã Đắk Kroong	Xã Đắk Long	Xã Đắk Man	Xã Đắk Môn	Xã Đắk Nhoong	Xã Đắk Pek	Xã Đắk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	164,34	18,62	17,72	8,40	21,36			8,86	10,00			60,52	18,86
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	467,40		48,05			279,35							140,00
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	103,42							9,70		93,72			
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	2.348,73	20,30	15,70	10,70	8,60	23,70	13,30	138,45	5,69	21,10	1.484,65	594,04	12,50
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	161,82	11,00	3,00	60,00	6,00	44,82	11,00		6,00	10,00			10,00
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	15,83	10,02	0,21	4,37	0,22	0,50			0,51				
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	10,38	5,26		4,37	0,22	0,50			0,03				
4.2	Đất phi nông nghiệp không	MHT/OTC	4,95	4,47							0,48				

[illegible]

